

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHÁNH VINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 9 - 2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VINH – TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Pi Năng Thị Thượng

2. Bà Hà Thị Phương Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Hay – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa: Bà Phan Thị Thoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân – gia đình thụ lý số: 42/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thái Văn T, sinh năm 1950, có mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962, có mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2017, bản tự khai ngày 27/6/2017 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thái Văn T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn năm 1980 và có làm hôn phối theo phép đạo tại nhà thờ Cây Vông, ông nhớ là ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là thị trấn D), huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi kết hôn ông bà chuyển lên sống tại thôn S, xã K, cuộc sống gia đình hạnh phúc và có 05 con chung tên Thái Thị Bích H, sinh năm 1981, Thái Duy B, sinh năm 1983, Thái Duy A, sinh năm 1985, Thái Thị Trúc P, sinh năm 1988 và Thái Duy H, sinh năm 1990. Trong quá trình sinh sống tại địa phương do gặp sự cố thiên tai (trận lũ lụt năm 1996 và 2009) xảy ra tại xã K nên gia đình ông bà đã bị lũ cuốn trôi hết tài liệu, giấy tờ trong đó có các giấy tờ liên quan đến quan hệ hôn nhân nên ông không thể xuất trình được các tài liệu về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H cho Tòa án theo quy định. Thời gian khoảng hai năm trở lại nay vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi nên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù ông đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng cả hai vẫn không có tiếng nói chung trong các vấn đề của cuộc sống gia đình. Nay ông nhận thấy tình cảm giữa ông và bà H không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được và thực tế ông bà cũng không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

*Về con chung:* Ông T khai các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình, cuộc sống tự lập riêng nên ông không có ý kiến gì thêm.

*Về tài sản chung:* Ông Thái Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Ông T khai giữa ông và bà H không có nợ chung.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà H thừa nhận về thời gian kết hôn như ông Thái Văn T trình bày. Năm 2015 vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi do ông Thái Văn T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Thời gian đầu bà và các con cũng can thiệp để ông T thay đổi cách sống nhằm hàn gắn gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi cách sống nên mâu thuẫn giữa bà và ông T ngày càng trầm trọng hơn. Bà thừa nhận tình cảm vợ chồng giữa ông bà đã rạn nứt, sự quan tâm chăm sóc nhau không còn, bản thân bà cũng không còn tình cảm thương yêu đối với ông T, ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T vì theo bà quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T được tổ chức theo phép đạo thiên chúa nên không được ly hôn, đồng thời giữa bà và ông T còn nhiều vấn đề gia đình chưa thỏa thuận giải quyết được.

*Về con chung:* Bà H thừa nhận các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Thái Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H; Về con chung: Hiện tại các con chung của ông T và bà H đã trưởng thành các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh nhận định:

[2] *Về hôn nhân:* Ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H đều khai ông bà kết hôn năm 1980, có làm phép hôn phối tại Nhà thờ Cây Vông (xã D, huyện D), ông bà nhớ có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã D (nay là thị trấn D), huyện D. Sau khi kết hôn ông bà chuyển lên sinh sống tại xã K, huyện K cho đến nay. Trong quá trình sinh sống do gặp sự cố thiên tai nên các giấy tờ tùy thân và tài liệu liên quan đến quan hệ hôn nhân của ông bà đã bị lũ cuốn trôi. Sau đó ông bà có ra chính quyền địa phương xin xác nhận về việc kết hôn nhưng hiện tại hồ sơ lưu giữ tại UBND xã cũng bị lũ cuốn trôi trong trận lũ năm 1996 và 2009 do đó ông bà không thể có tài liệu cung cấp cho tòa theo quy định. HĐXX nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc yêu cầu ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H cung cấp tài liệu liên quan đến quan hệ hôn nhân nhưng ông bà không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn cũng như bản sao trích lục kết hôn vì hiện tại đã bị lũ cuốn trôi. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì vào năm 1996 và năm 2009 trên địa bàn xã K có xảy ra trận lũ lụt lớn. Hậu quả trận lũ đã cuốn trôi hết toàn bộ tài liệu, giấy tờ được lưu giữ tại UBND xã nên không thể trích sao hay cung cấp được thông tin về quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân K xác nhận xã K mới được thành lập vào năm 1986, theo địa phương được biết thì ông T, bà H là người Diên Khánh chuyển lên sống tại K vào khoảng năm 1980, khi ông bà lên đây thì đã sống chung với nhau như vợ chồng, địa phương không nắm được họ có đăng ký kết hôn tại địa phương cũ không. Sau khi ông T, bà H chuyển lên sinh sống tại xã K vào khoảng năm 1980 thì ông bà sinh sống ổn định từ đó cho đến nay. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là UBND thị trấn D), thì xã mới được thành lập

vào năm 1982 nên không có căn cứ và tài liệu như ông T, bà H khai để cấp trích lục kết hôn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án liên quan đến con chung (năm sinh, nhân thân của các con chung), cũng như giấy tờ về việc tổ chức hôn phối theo phép đạo tại Nhà thờ Cây Vông thì việc ông T và bà H sống chung từ năm 1980 là có căn cứ. Do đó, có cơ sở để xác định quan hệ vợ chồng giữa ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H là hôn nhân thực tế và hợp pháp theo hướng dẫn tại Điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điểm d mục 2 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống, dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Ông bà cũng đã cố gắng thay đổi tính cách để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay tuy bà H không đồng ý ly hôn nhưng lý do của bà chỉ xuất phát từ việc quan hệ hôn nhân bị ràng buộc bởi phép đạo không cho ly hôn và ông bà chưa thỏa thuận được các vấn đề khác của gia đình chứ không phải xuất phát từ mong muốn níu kéo tình cảm vợ chồng để hàn gắn hạnh phúc gia đình vì bản thân bà H cũng thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T đã rạn nứt, bà cũng không còn tình cảm thương yêu đối với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, việc chăm sóc, quan tâm lẫn nhau không còn nên mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, thực tế hai ông bà cũng không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay, vì vậy có duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Thái Văn T đối với bà Nguyễn Thị H.

[3] *Về con chung*: Ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H đều khai các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] *Về nợ chung*: Ông Thái Văn T khai không có nợ chung, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

[6] *Về án phí*: Ông Thái Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điểm d mục 2 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho ông Thái Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. *Về tài sản chung*: Ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về nợ chung*: Ông Thái Văn T khai không có nợ chung, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Thái Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (hai trăm ngàn) đồng tại biên lai số AA/2012/0006464 ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Quyền kháng cáo*: Ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- THADS huyện Khánh Vĩnh;
- UBND xã Khánh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**